

NGHỊ QUYẾT

**Về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công
năm 2022 sang năm 2023 nguồn ngân sách địa phương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 13**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 04 về Quyết định dự toán ngân sách
địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2022;*

*Xét Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công
năm 2022 sang năm 2023 nguồn ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra của Ban
kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công
năm 2022 trước ngày 31 tháng 12 năm 2023 nguồn ngân sách địa phương đối với
62 dự án, tổng số vốn là 7.579,498 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu đính kèm Nghị quyết).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo
quy định của pháp luật và các quy định khác của pháp luật có liên quan; chịu trách
nhiệm trước các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính
chính xác của các nội dung số liệu; định kỳ đánh giá và báo cáo Hội đồng nhân dân
tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 07 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. 

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, TP;
- LĐVP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- LĐ và CV các PCM thuộc VP;
- TT Tin học và công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND (M).

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
SANG NĂM 2023 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 225/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

ST T	Danh mục dự án	CĐT/ Địa điểm	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 nguồn vốn ngân sách huyện	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 đến ngày 31/01/2023	Số kế hoạch vốn chưa thực hiện, giải ngân đến ngày 31/01/2023	Số kế hoạch vốn năm 2022 đề nghị tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2023	Ghi chú
			Số QĐ	TMĐT					
	TỔNG SỐ			304.355,766	68.611,917	61.032,409	7.579,498	7.579,498	
I	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau (Điểm c, Khoản 1, Điều 48 Nghị định 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020)			236.785,264	62.099,387	57.074,301	5.025,076	5.025,076	
1	Công trình Cứng hóa đường giao thông nông thôn các xóm Đầm Định, xóm Trang, xóm Đồng nang, xóm Ve xã Đông Bắc, huyện Kim Bôi	Kim Bôi	7187/QĐ-UBND	390,120	390,120		390,120	390,120	
2	Công trình Cứng hóa đường giao thông nông thôn các xóm Thung Dao Bắc, xóm Chẹo, Kim Bắc, Hợp Nhất xã Tú Sơn, huyện Kim Bôi	Kim Bôi	7187/QĐ-UBND	144,918	144,918		144,918	144,918	
3	Công trình Cứng hóa đường giao thông nông thôn các xóm: Đầm Rừng, Vó Cối, Thao con xã Vĩnh Tiến, huyện Kim Bôi	Kim Bôi	7187/QĐ-UBND	81,033	81,033		81,033	81,033	
4	Công trình Cứng hóa đường giao thông nông thôn các xóm: Suối Thượng, xóm Nuông, xóm Ba Lằm, xóm Mỹ Thượng, xóm Dăm xã Nuông Dăm, huyện Kim Bôi	Kim Bôi	7187/QĐ-UBND	135,055	135,055		135,055	135,055	
5	Công trình Cứng hóa đường giao thông nông thôn các xóm: Thông, xóm Cuối, xóm Thượng, xóm Vọ, xóm Mã Mư xã Cuối Hạ, huyện Kim Bôi	Kim Bôi	7187/QĐ-UBND	135,055	135,055		135,055	135,055	
6	Công trình Cứng hóa đường giao thông nông thôn các xóm: Đồng Chờ, xóm Nà Bờ xã Sào Báy, huyện Kim Bôi	Kim Bôi	7187/QĐ-UBND	97,920	97,920		97,920	97,920	

ST T	Danh mục dự án	CĐT/ Địa điểm	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 nguồn vốn ngân sách huyện	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 đến ngày 31/01/2023	Số kế hoạch vốn chưa thực hiện, giải ngân đến ngày 31/01/2023	Số kế hoạch vốn năm 2022 đề nghị tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2023	Ghi chú
			Số QĐ	TMĐT					
7	CT Nhà sinh hoạt cộng đồng xóm Thung Mường, xã Tú Sơn, huyện Kim Bôi	Kim Bôi	6930/QĐ-UBND	2.700,000	2.700,000	2.604,033	95,967	95,967	
8	Đường Lập Chiêng-Kim Sơn	Kim Bôi	2090/QĐ-UBND; 07/8/2020	13.000,000	3.020,000	2.766,359	253,641	253,641	
9	XD đường GTNT xóm Vồ-Bôi Câu-Suối Con	Kim Bôi	2350/QĐ-UBND; 11/5/2021	6.000,000	4.000,000	3.870,964	129,036	129,036	
10	Đường GTNT xóm Mỹ - Ba Giang	Kim Bôi	2706/QĐ-UBND; 23/6/2021	4.999,507	3.000,000	2.963,893	36,107	36,107	
11	Trồng cây xanh khu vực huyện Kim Bôi giai đoạn 3	Kim Bôi	3822/QĐ-UBND; 01/9/2021	8.000,000	3.000,000	2.930,642	69,358	69,358	
12	Sửa chữa, nâng cấp hồ Đồng Đa, xã Sào Báy	Kim Bôi	3342/QĐ-UBND; 12/8/2021	5.000,000	2.000,000	1.852,303	147,697	147,697	
13	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xóm Bái đi xóm Muôn	Kim Bôi	2697/QĐ-UBND; 21/6/2021	5.000,000	2.000,000	1.881,324	118,676	118,676	
14	Công trình: Nhà Sinh hoạt cộng đồng và các hạng mục phụ trợ xóm Ba Giang	Kim Bôi	6930/QĐ-UBND	1.200,000	1.200,000	1.179,666	20,334	20,334	
15	Công trình: Nhà Sinh hoạt cộng đồng và các hạng mục phụ trợ xóm Cảnh	Kim Bôi	6930/QĐ-UBND	1.700,000	1.700,000	1.682,850	17,150	17,150	
16	Nhà lớp học trường Mầm non xã Thanh Lương, huyện Lương Sơn.	Lương Sơn	2691/QĐ-UBND; 18/8/2016	4.100,000	18,344		18,334	18,334	

ST T	Danh mục dự án	CĐT/ Địa điểm	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 nguồn vốn ngân sách huyện	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 đến ngày 31/01/2023	Số kế hoạch vốn chưa thực hiện, giải ngân đến ngày 31/01/2023	Số kế hoạch vốn năm 2022 đề nghị tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2023	Ghi chú
			Số QĐ	TMBT					
17	Nhà hiệu bộ, phòng học, phòng học chức năng trường Mầm non xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình	Lương Sơn	363/QĐ-UBND; 25/3/2016	12.000,000	110,000	32,461	77,539	77,539	
18	Nhà lớp học và phòng chức năng các hạng mục phụ trợ trường TH Cửu Long	Lương Sơn	2725/QĐ- UBND; 25/6/2018	10.000,000	1.880,188	1.797,408	82,780	82,780	
19	Mở rộng cơ sở vật chất Trường mầm non Thành Lập	Lương Sơn	18/QĐ-HĐND; 28/12/2018	14.000,000	957,034	816,334	140,700	140,700	
20	Cải tạo mở rộng trường Mầm non Cửu Long	Lương Sơn	2301/QĐ- UBND; 09/06/2020	14.800,000	1.510,000	1.075,046	434,954	434,954	
21	Kè sân trường TH và THCS xã Cư Yên, huyện Lương Sơn	Lương Sơn	3597/QĐ- UBND; 01/09/2021	8.500,000	6.535,000	6.187,903	347,097	347,097	
22	Nhà hiệu bộ và phòng chức năng, các công trình phụ trợ trường mầm non Hòa Sơn, xã Hòa Sơn	Lương Sơn	1540/QĐ- UBND; 25/5/2018	8.500,000	1.638,000	1.594,314	43,686	43,686	
23	Cải tạo, nâng cấp sân và các hạng mục phụ trợ Huyện ủy	Lương Sơn	1928/QĐ- UBND; 22/6/2021	4.200,000	1.200,000	1.054,560	145,440	145,440	
24	Đặt tên đường, tuyến phố thị trấn Lương Sơn	Lương Sơn	413; 15/3/2019	1.800,000	418,957	348,157	70,800	70,800	
25	Xây dựng mới vỉa hè và hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng, cây xanh Quốc lộ 6, đoạn qua xã Hòa Sơn (Bên phải từ Km37+900 - Km39+344,5)	Lương Sơn	2051; 15/6/2020	4.410,730	867,356	832,486	34,870	34,870	
26	Cải tạo, xây dựng Cầu Đất và Cầu Trại, xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn	Lương Sơn	2801; 04/9/2019	4.000,000	43,489	31,870	11,619	11,619	

ST T	Danh mục dự án	CĐT/ Địa điểm	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 nguồn vốn ngân sách huyện	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 đến ngày 31/01/2023	Số kế hoạch vốn chưa thực hiện, giải ngân đến ngày 31/01/2023	Số kế hoạch vốn năm 2022 đề nghị tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2023	Ghi chú
			Số QĐ	TMĐT					
27	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ thôn Đồng Bài đi thôn Hạnh Phúc (đoạn UBND xã), xã Hòa Sơn	Lương Sơn	63; 13/1/2020	4.900,000	94,026	81,912	12,114	12,114	
28	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xóm Mỏ và tiểu khu 8, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn	Lương Sơn	462; 19/5/2017	484,700	119,573	82,802	36,771	36,771	
29	Công trình nhà văn hóa xã Tân Vinh	Lương Sơn	2748/QĐ-UBND; 30/8/2016	3.950,000	19,577	0,000	19,577	19,577	
30	Cứng hóa đường GTNT xóm Lộc Môn, xóm Tân Sơn xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn	Lương Sơn	60/QĐ-UBND; 18/4/2019	2.000,000	10,148	0,000	10,148	10,148	
31	Sân vận động trung tâm xã Tiến Sơn	Lương Sơn	3201/QĐ-UBND; 08/9/2017	4.500,000	1.089,593	848,466	241,127	241,127	
32	Đường GTNT xóm Đồng Rẽ nối với đường Y2, xã Hợp Thanh, huyện Lương Sơn	Lương Sơn	1541/QĐ-UBND; 25/5/2018	3.576,226	1.488,877	1.483,498	5,379	5,379	
33	Sửa chữa trụ sở làm việc và các hạng mục phụ trợ của UBND xã Lỗ Sơn	Tân Lạc	2889/QĐ-UBND	1.000,000	1.000,000	992,933	7,067	7,067	
34	Cải tạo, nâng cấp đường xóm Chiềng Đồi, xã Lỗ Sơn	Tân Lạc	2889/QĐ-UBND	1.000,000	1.000,000	992,721	7,279	7,279	
35	Công trình: Nâng cấp, cải tạo đường xóm Mường Khạng, xã Phong Phú	Tân Lạc	2889/QĐ-UBND	1.000,000	1.000,000	993,768	6,232	6,232	
36	Công trình: Xây dựng nhà văn hóa xóm An Phú, xã Phong Phú	Tân Lạc	2889/QĐ-UBND	200,000	200,000		200,000	200,000	
37	Công trình: Xây dựng nhà văn hóa xóm Mường Lò, xã Phong Phú	Tân Lạc	2889/QĐ-UBND	200,000	200,000		200,000	200,000	

ST T	Danh mục dự án	CĐT/ Địa điểm	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 nguồn vốn ngân sách huyện	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 đến ngày 31/01/2023	Số kế hoạch vốn chưa thực hiện, giải ngân đến ngày 31/01/2023	Số kế hoạch vốn năm 2022 đề nghị tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2023	Ghi chú
			Số QĐ	TMBT					
38	Công trình: Nâng cấp, cải tạo đường xóm Mương Dạ, xã Nhân Mỹ	Tân Lạc	2889/QĐ-UBND	880,000	880,000	873,383	6,617	6,617	
39	Nâng cấp, mở rộng trường Mầm non Địch Giáo, huyện Tân Lạc	Tân Lạc	3631/QĐ-UBND; 09/12/2022	14.800,000	4.193,731	3.683,747	509,984	509,984	
40	Nhà lớp học mầm non và tiểu học thuộc Chương trình Kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa huyện Tân Lạc (xã Suối Hoa, xã Ngọc Mỹ)	Tân Lạc	1673/QĐ-UBND; 24/7/2020	12.200,000	48,412	0,000	48,412	48,412	
41	Cải tạo, nâng cấp đường xóm Đôn xã Mỹ Hòa	Tân Lạc	1201b/QĐ-UBND; 20/8/2014	5.500,000	460,354	431,701	28,653	28,653	
42	Đường từ QL12B đi xóm Đông 2, đi Ủy ban nhân dân xã Thanh Hải, huyện Tân Lạc	Tân Lạc	1636/QĐ-UBND; 29/10/2015	7.500,000	120,000	114,090	5,910	5,910	
43	Đường xóm Lò xã Phong Phú đi xóm Thọng xã Tuần Lộ, huyện Tân Lạc	Tân Lạc	492/QĐ - UBND; 11/04/2017	4.200,000	1.753,271	1.729,967	23,304	23,304	
44	Sửa chữa, nâng cấp sân vận động xã Từ Nê, huyện Tân Lạc	Tân Lạc	2016/QĐ - UBND; 07/11/2017	4.900,000	1.553,862	1.523,626	30,236	30,236	
45	Cải tạo nâng cấp đường từ xóm Cộng đi xóm Bày, xã Quy Hậu, huyện Tân Lạc	Tân Lạc	1844/QĐ-UBND; 11/12/2019	2.950,000	1.047,600	985,572	62,028	62,028	
46	Nâng cấp, mở rộng đường từ Tinh lộ 436 đi xóm Lầm, xóm Lũy Ải, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc	Tân Lạc	470/QĐ-UBND; 03/3/2020	9.950,000	255,186	215,969	39,217	39,217	
47	Cải tạo, nâng cấp đường từ xóm Đạ, xã Suối Hoa đi xóm Kè, xã Phú Vinh, huyện Tân Lạc	Tân Lạc	78/QĐ-UBND; 19/01/2021	4.900,000	4.382,708	4.355,366	27,342	27,342	

ST T	Danh mục dự án	CĐT/ Địa điểm	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 nguồn vốn ngân sách huyện	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 đến ngày 31/01/2023	Số kế hoạch vốn chưa thực hiện, giải ngân đến ngày 31/01/2023	Số kế hoạch vốn năm 2022 đề nghị tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2023	Ghi chú
			Số QĐ	TMBT					
48	Nâng cấp các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Do Nhân, xã Nhân Mỹ, huyện Tân Lạc	Tân Lạc	3481/QĐ-UBND; 30/11/2022	2.800,000	300,000	157,395	142,605	142,605	
49	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội xóm Đá, xã Lỗ Sơn, huyện Tân Lạc	Tân Lạc	3650/QĐ-UBND; 12/12/2022	6.000,000	300,000	286,031	13,969	13,969	
50	Công trình sửa chữa nâng cấp NVH phố Mường Vôi	Lạc Sơn	123/QĐ-UBND	1.000,000	500,000	493,205	6,795	6,795	
51	Công trình sửa chữa nâng cấp NVH phố Thống Nhất	Lạc Sơn	88.1/QĐ-UBND	500,000	500,000	492,860	7,140	7,140	
52	Công trình sửa chữa nâng cấp NVH phố Lốc Mới	Lạc Sơn	56.1/QĐ-UBND	600,000	400,000	362,867	37,133	37,133	
53	Công trình sửa chữa nâng cấp rãnh thoát nước phố Hữu Nghị	Lạc Sơn	88/QĐ-UBND	400,000	400,000	389,849	10,151	10,151	
II	Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng (Điểm b, Khoản 1, Điều 48 Nghị định 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020)			59.000,000	676,207	600,775	75,432	75,432	
1	Trụ sở làm việc xã Mãn Đức, huyện Tân Lạc	Tân Lạc	2864/QĐ-UBND; 14/12/2021	35.000,000	386,207	377,894	8,313	8,313	
2	Trụ sở làm việc xã Vân Sơn	Tân lạc	1080/QĐ-UBND; 25/5/2022	24.000,000	290,000	222,881	67,119	67,119	
III	Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép (Điểm đ, Khoản 1, Điều 48 Nghị định 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020)			8.570,502	5.836,323	3.357,333	2.478,990	2.478,990	

ST T	Danh mục dự án	CĐT/ Địa điểm	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 nguồn vốn ngân sách huyện	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 đến ngày 31/01/2023	Số kế hoạch vốn chưa thực hiện, giải ngân đến ngày 31/01/2023	Số kế hoạch vốn năm 2022 đề nghị tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2023	Ghi chú
			Số QĐ	TMĐT					
1	Công trình sửa chữa nâng cấp đập Bai Chạo xã Xuất Hóa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình	Lạc Sơn	149/QĐ-UBND; 23/5/2022	4.999,000	2.264,821	407,274	1.857,547	1.857,547	
2	Công trình sửa chữa nâng cấp đường giao thông phố Tân Giang	Lạc Sơn		200,000	200,000		200,000	200,000	
3	Xây dựng nhà văn hóa các xóm, xã Thượng Cốc	Lạc Sơn	67/QĐ-UBND; 11/8/2021	1.100,000	1.100,000	957,546	142,454	142,454	
4	Sửa chữa, nâng cấp các hạng mục phụ trợ trụ sở Đảng Ủy – HĐND và UBND xã Thượng Cốc, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình	Lạc Sơn	67/QĐ-UBND; 11/8/2021	947,955	947,955	825,016	122,939	122,939	
5	Sửa chữa đường giao thông nông thôn các xóm, xã Thượng Cốc, huyện Lạc Sơn.	Lạc Sơn	67/QĐ-UBND; 11/8/2021	784,747	784,747	654,839	129,908	129,908	
6	Cải tạo tường rào Ủy ban nhân dân xã Văn Nghĩa , huyện Lạc Sơn	Lạc Sơn	684/QĐ-UBND; 31/12/2021	182,064	182,064	171,840	10,224	10,224	
7	Cải tạo, sửa chữa đường giao thông xóm Mới Nang, xã Văn Nghĩa , huyện Lạc Sơn	Lạc Sơn	683/QĐ-UBND; 31/12/2021	356,736	356,736	340,818	15,918	15,918	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH